Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng tháng 1 năm 2018

(Chi tiết ngành, thành phần)

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2018			Thực hiện năm 2016	So sánh (%)	
	Thực hiện tháng 12/2017	Ước tháng 1/2018	Năm 2017		Tháng này/tháng trước	Cộng dồn/ cùng kỳ
A	1	2	3	4	5=2/1	6=3/4
Tổng số	**2.226.538,5**	**2.237.367,5**	**25.223.221,6**	**22.915.591,6**	**100,49**	**110,07**
I. Phân theo loại hình kinh tế						
1. Kinh tế Nhà nước	181.166,0	184.730,0	2.313.572,3	1.342.754,0	101,97	172,30
2. Kinh tế tập thể	1.438,2	1.450,9	19.520,6	30.587,4	100,88	63,82
3. Kinh tế cá thể	1.065.260,3	1.078.194,9	11.643.391,3	11.845.571,3	101,21	98,29
4. Kinh tế tư nhân	960.799,7	954.376,7	11.023.947,3	9.453.347,8	99,33	116,61
5. Kinh tế vốn đầu tư nước ngoài	17.874,3	18.615,0	222.790,1	243.331,1	104,14	91,56
II. Phân theo ngành kinh tế						
1. Thương nghiệp	1.960.736,8	1.970.637,7	21.736.299,9	19.380.315,1	100,50	112,16
2. Lưu trú và ăn uống	179.377,1	179.935,1	2.115.140,8	1.968.089,9	100,31	107,47
3. Du lịch lữ hành	2.152,0	2.056,0	38.166,0	13.579,0	95,54	281,07
4. Dịch vụ	84.272,6	84.738,7	1.333.614,9	1.553.607,6	100,55	85,84